

Số: **10** /2016/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **29** tháng **01** năm 2016

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐỀN	Số: 121
	Ngày: 02/02
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016
áp dụng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 03/HĐND-THKT ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3179/TTr-QLGCS ngày 14 tháng 12 năm 2015 kèm Báo cáo thẩm định số 1521/BC-STP ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất để thu tiền sử dụng đất (theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ) và thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

1. Hệ số điều chỉnh giá đất tại khu vực đô thị:

a) Thành phố Huế:

Đường phố loại 1,2: Hệ số 1,4; Đường phố loại 3: Hệ số 1,3;

Đường phố còn lại : Hệ số 1,2.

b) Các phường thuộc thị xã Hương Thủy và thị xã Hương Trà:

Đường phố loại 1,2: Hệ số 1,25; Đường phố loại 3: Hệ số 1,15;



Đường phố còn lại:

Thị xã Hương Thủy: Hệ số 1,1;

Thị xã Hương Trà: Hệ số 1,05.

c) Thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền:

Đường phố loại 1,2: Hệ số 1,2; Đường phố loại 3: Hệ số 1,1;

Đường phố còn lại: Hệ số 1,05.

d) Thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông:

Đường phố loại 1,2,3 và các đường phố còn lại: Hệ số 1,14.

đ) Thị trấn A Lưới, huyện A Lưới; Thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang:

Đường phố loại 1,2: Hệ số 1,1;

Đường phố còn lại: Hệ số 1,05.

e) Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền; Thị trấn Lăng Cô và Thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc:

Đường phố loại 1,2: Hệ số 1,1;

Đường phố còn lại: Hệ số 1.

g) Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang:

Đường phố loại 1,2,3,4: Hệ số 1.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất tại khu vực nông thôn:

a) Các xã: Thủy Bằng, Thủy Vân, Thủy Thanh, Thủy Phù, thị xã Hương Thủy; Hương Vinh, thị xã Hương Trà; Phú Thượng, huyện Phú Vang và các tuyến đường Quốc lộ, huyện lộ, tỉnh lộ đi qua địa bàn các xã thuộc thị xã Hương Thủy: Hệ số 1,2.

b) Các xã còn lại (trừ xã Dương Hòa và Phú Sơn) thuộc thị xã Hương Thủy: Hệ số 1,15.

c) Các xã: Phú Dương, Phú Mỹ, Phú Thuận, Vinh Thanh, huyện Phú Vang: Hệ số 1,1.

d) Các xã thuộc huyện Quảng Điền, Nam Đông, A Lưới; các xã còn lại thuộc thị xã Hương Trà: Hệ số 1,05.

đ) Các xã thuộc huyện Phong Điền, Phú Lộc; Dương Hòa, Phú Sơn, thị xã Hương Thủy; các xã còn lại thuộc huyện Phú Vang: Hệ số 1.

3. Đối với đất tại các khu quy hoạch, khu đô thị mới trong khu vực đô thị: Việc xác định Hệ số điều chỉnh giá đất dựa trên cơ sở tương đương giữa giá đất ở tại các khu quy hoạch, khu đô thị mới quy định tại Điều 19 và giá đất ở đô thị quy định tại các Điều 14 Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015-2019) để xác định loại đường tương ứng.

Trường hợp giá đất ở tại khu quy hoạch, khu đô thị mới có giá đất ở tương ứng với 2 loại đường phố, thì xác định Hệ số điều chỉnh theo loại đường phố thấp hơn.

4. Đối với khu đất, thửa đất bị hạn chế chiều cao, mật độ xây dựng, hạn chế về mặt quy hoạch thì Hệ số điều chỉnh giá đất được giảm tối đa 0,1 so với Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 1,2 và 3 Điều này, nhưng Hệ số điều chỉnh giá đất sau khi giảm không được thấp hơn hệ số 1.

5. Đối với trường hợp xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm (áp dụng trường hợp thửa đất hoặc khu đất có giá trị trên hoặc dưới 20 tỷ đồng) thì mức giá khởi điểm bán đấu giá được xác định theo Hệ số điều chỉnh giá đất thực tế đối với từng trường hợp cụ thể tại thời điểm bán đấu giá nhưng không thấp hơn Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này.

Các nội dung khác về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính Phủ, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế: Tổ chức theo dõi, điều tra, khảo sát thu thập thông tin giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn và đề nghị phương án Hệ số điều chỉnh giá đất gửi Sở Tài chính tổng hợp theo quy định.

2. Sở Tài chính:

Chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương liên quan xây dựng phương án cụ thể Hệ số điều chỉnh giá đất trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện Khoản 4 và 5 Điều 1 Quyết định này.

Tham mưu việc bố trí kinh phí để đảm bảo cho công tác theo dõi, thống kê tình hình biến động giá và xây dựng Hệ số điều chỉnh giá đất. Kinh phí được xây dựng trong dự toán hàng năm.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định Hệ số điều chỉnh giá đất 2015 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời điểm áp dụng từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 31/12/2016.



Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Trưởng ban: Ban Quản lý Khu Kinh tế Chân Mây- Lăng Cô, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT và các Ban HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, TC, KH, ĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ